|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS&THPT VĨNH HÒA**  **TỔ NGỮ VĂN** | **ĐỀ THI GIỮA KÌ I**  **MÔN: NGỮ VĂN 11**  **Năm học: 2023-2024** |

**1/ Khung ma trận đề kiểm tra định kì môn Ngữ văn**

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung kiến thức / Đơn vị kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
|  | **Đọc** | Truyện thơ dân gian, truyện thơ Nôm | 3 | 2 | 2 | 1 | 50 |
| Truyện ngắn/ tiểu thuyết hiện đại |
| Bi kịch |
| Kí, tuỳ bút hoặc tản văn |
| Thơ |
| Văn bản thông tin |
|  |  | Văn nghị luận |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội | 1\* | 1\* | 1\* | 1\* | 50 |
| Viết văn bản nghị luận về một đoạn trích/tác phẩm văn học hoặc một bộ phim, bài hát, bức tranh, pho tượng. |
| Viết bài thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận |
| **Tổng %** | | | **20** | **40** | **30** | **10** |  |
| **Tỉ lệ % chung** | | | **60** | | **40** | |  |

**2/ Bản đặc tả yêu cầu các kĩ năng kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn, lớp 11**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức / Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** | **Số lượng câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | Tổng % |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| **1.** | **Đọc hiểu** | 1. Truyện thơ dân gian, truyện thơ Nôm | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đề tài, câu chuyện, chi tiết tiêu biểu, nhân vật trong truyện thơ.  - Nhận biết được người kể chuyện trong truyện thơ.  - Nhận biết được ngôn ngữ độc thoại, đối thoại, độc thoại nội tâm và các biện pháp nghệ thuật trong truyện thơ.  - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện thơ.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện của tác phẩm / đoạn trích.  - Phân tích được đặc điểm, vai trò của của cốt truyện, nhân vật, chi tiết trong truyện thơ.  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa của ngôn ngữ, bút pháp nghệ thuật trong truyện thơ.  - Nêu được chủ đề (chủ đề chính và chủ đề phụ trong văn bản có nhiều chủ đề), tư tưởng, thông điệp của truyện thơ.  - Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả trong truyện thơ.  - Phân tích được một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện thơ.  - Phát hiện và lí giải được các giá trị nhân văn, triết lí nhân sinh từ truyện thơ.  **Vận dụng**:  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn của cá nhân đối với văn học và cuộc sống.  - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra trong truyện thơ.  **Vận dụng cao**:  - Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, hiểu biết về lịch sử văn học để nhận xét, đánh giá ý nghĩa, giá trị của truyện thơ.  - So sánh được sự giống và khác nhau giữa các văn bản truyện thơ; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn với tác phẩm. | 3 câu | 2 câu | 2 câu | 1 câu | 50 |
| 2. Truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đề tài, câu chuyện, sự kiện, chi tiết tiêu biểu, không gian, thời gian, nhân vật trong truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại.  - Nhận biết được người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất), lời người kể chuyện, lời nhân vật trong truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại.  - Nhận biết được điểm nhìn, sự thay đổi điểm nhìn; sự nối kết giữa lời người kể chuyện và lời của nhân vật.  - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại / hậu hiện đại.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện của truyện ngắn, tiểu thuyết.  - Phân tích, lí giải được mối quan hệ của các sự việc, chi tiết trong tính chỉnh thể của tác phẩm.  - Phân tích được đặc điểm, vị trí, vai trò của của nhân vật trong truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại; lí giải được ý nghĩa của nhân vật.  - Nêu được chủ đề (chủ đề chính và chủ đề phụ trong văn bản nhiều chủ đề) của tác phẩm.  - Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả thể hiện trong văn bản.  - Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của tác phẩm.  **Vận dụng**:  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm, cách nhìn của cá nhân với văn học và cuộc sống.  - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ văn bản.  **Vận dụng cao**:  - Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, hiểu biết về lịch sử văn học để nhận xét, đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.  - So sánh được hai văn bản văn học cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn với tác phẩm. |
| 3. Bi kịch | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đề tài, cốt truyện, nhân vật, hệ thống nhân vật trong bi kịch.  - Nhận biết được mâu thuẫn, xung đột kịch trong bi kịch.  - Nhận biết lời thoại, lời chỉ dẫn sân khấu và hành động của nhân vật bi kịch.  - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong bi kịch.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được ý nghĩa, tác dụng của các yếu tố như cốt truyện, xung đột (xung đột bên trong và xung đột bên ngoài), ngôn ngữ, hành động kịch và mối quan hệ giữa các yếu tố này trong tính chỉnh thể của tác phẩm.  - Phân tích, đánh giá được đặc điểm, ý nghĩa của nhân vật bi kịch; phân tích, đánh giá được mối quan hệ giữa các nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.  - Nêu và lí giải được chủ đề; yếu tố “bi”, hiệu ứng thanh lọc của bi kịch.  - Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả trong văn bản; phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của vở kịch.  **Vận dụng**:  - Nêu được tác động của hiệu ứng thanh lọc trong bi kịch với bản thân.  - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra trong vở kịch.  **Vận dụng cao**:  - Đánh giá được tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn của bản thân về văn học, cuộc sống.  - Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, hiểu biết về lịch sử văn học để nhận xét, đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.  - So sánh được hai văn bản văn học kịch có cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau. |
| 4. Kí, tuỳ bút, tản văn | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đề tài, cái tôi trữ tình, kết cấu của văn bản.  - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu.  - Nhận biết được các yếu tố tự sự và trữ tình; các yếu tố hư cấu và phi hư cấu trong văn bản.  - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong văn bản.  **Thông hiểu:**  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cái tôi trữ tình, giọng điệu và mối quan hệ giữa các yếu tố này trong văn bản.  - Phân tích được sự kết hợp giữa cốt tự sự và chất trữ tình; giữa hư cấu và phi hư cấu trong văn bản.  - Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản.  - Phân tích, lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của văn bản.  - Lí giải được tính đa nghĩa của ngôn ngữ nghệ thuật trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm của bản thân về cuộc sống hoặc văn học.  - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra trong văn bản.  **Vận dụng cao**:  - Đánh giá được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm của bản thân về văn học và cuộc sống. Đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.  - So sánh được hai văn bản cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau. |
| 5. Thơ | **Nhận biết:**  - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật trữ tình trong bài thơ.  - Nhận biết được cấu tứ, vần, nhịp, những dấu hiệu thể loại của bài thơ.  - Nhận biết được yếu tố tượng trưng (nếu có) trong bài thơ.  - Nhận biết được những biểu hiện của tình cảm, cảm xúc trong bài thơ.  - Nhận biết đặc điểm của ngôn từ nghệ thuật trong thơ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được ý nghĩa giá trị thẩm mĩ của ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ.  - Phân tích, lí giải được vai trò của yếu tố tượng trưng trong bài thơ (nếu có).  - Xác định được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ.  - Lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ.  - Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của bài thơ.  - Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong bài thơ.  **Vận dụng:**  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của bài thơ đối với quan niệm, cách nhìn của cá nhân về những vấn đề văn học hoặc cuộc sống.  - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ bài thơ.  **Vận dụng cao**:  - Đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ.  - Đánh giá được ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tương trưng (nếu có) trong bài thơ.  - So sánh được hai văn bản thơ cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau.  - Mở rộng liên tưởng về vấn đề đặt ra trong bài thơ để hiểu sâu hơn bài thơ. |
| 6. Văn bản thông tin | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đề tài, thông tin chính của văn bản, các chi tiết tiêu biểu.  - Nhận biết được bố cục, mạch lạc, cách trình bày dữ liệu, thông tin của văn bản  **Thông hiểu:**  - Nêu nội dung bao quát của văn bản.  - Phân tích được mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản.  - Lý giải được cách đặt nhan đề của tác giả.  - Phân tích được tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Đánh giá được thái độ và quan điểm của người viết được thể hiện trong văn bản.  - Rút ra thông điệp, bài học từ nội dung văn bản  **Vận dụng cao**:  - Trình bày thái độ đồng ý hay không đồng ý với nội dung của văn bản hay quan điểm của người viết. |
| 7. Văn bản nghị luận | **Nhận biết:**  - Xác định được vấn đề nghị luận của văn bản.  - Xác định được các luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu, độc đáo được trình bày trong văn bản.  - Nhận biết các yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn bản.  **Thông hiểu:**  - Xác định được mục đích, thái độ và tình cảm của người viết; thông điệp, tư tưởng của văn bản.  - Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản.  - Lý giải được cách đặt nhan đề; sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề văn bản.  - Phân tích được vai trò của các yếu tố thuyết minh hoặc miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận.  **Vận dụng:**  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn cá nhân về vấn đề nghị luận.  - Trình bày được quan điểm đồng tình hay không đồng tình với quan niệm của tác giả, nội dung chính của văn bản.  **Vận dụng cao:**  Liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học) của giai đoạn mà văn bản ra đời để đánh giá ý nghĩa, giá trị của văn bản. |
| **3** | **Viết** | 1. Viết văn bản ghị luận về một vấn đề xã hội | **Nhận biết:**  **-** Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.  - Mô tả được vấn đề xã hội và những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết.  - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận.  - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Giải thích được những khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận.  - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng:**  - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội.  - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.  **Vận dụng cao:**  - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,… để tăng sức thuyết phục cho bài viết.  - Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 11 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. | 1\* | 1\* | 1\* | 1 câu TL | 50 |
| 2. Viết văn bản nghị luận về một đoạn trích/ tác phẩm văn học hoặc một bộ phim, bài hát, bức tranh, pho tượng | **Nhận biết**:  - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, loại hình nghệ thuật,… của tác phẩm.  - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.  **Thông hiểu**:  - Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm nghệ thuật (bộ phim, bài hát, bức tranh, pho tượng).  - Phân tích được những biểu hiện riêng của loại hình nghệ thuật thể hiện trong tác phẩm (ví dụ, cốt truyện, vai diễn trong bộ phim; các yếu tố hình khối, đường nét trong tác phẩm điêu khắc; …).  - Nêu và nhận xét về nội dung, một số nét nghệ thuật đặc sắc.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Nêu được những bài học rút ra từ tác phẩm.  - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm).  **Vận dụng cao:**  - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,… để tăng sức thuyết phục cho bài viết.  - Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 11 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. |
| 3. Viết văn bản thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tựu sự biểu cảm nghị luận | **Nhận biết:**  **-** Xác định được đúng yêu cầu về nội dung thuyết minh và hình thức của văn bản thuyết minh.  - Xác định được đúng mục đích, đối tượng của văn bản.  - Đảm bảo bố cục, cấu trúc của một văn bản thuyết minh.  **Thông hiểu:**  - Trình bày rõ nội dung thuyết minh; cấu trúc bài viết sáng rõ, ngôn ngữ tường minh, chính xác, cụ thể, khách quan.  - Đảm bảo sự phù hợp giữa ngôn từ, bố cục với nội dung, mục đích, đối tượng thuyết minh; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  - Bài viết có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.  **Vận dụng**:  Lồng ghép hợp lí các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận để tăng sức hấp dẫn cho văn bản.  **Vận dụng cao**:  Vận dụng hiệu quả những kiến thức về Tiếng Việt lớp 11 để tăng sức hấp dẫn, tính sinh động của nội dung thuyết minh. |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Tỉ lệ %*** |  | **20%** | **40%** | **30%** | **10%** | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **60%** | | **40%** | |

**3/ Đề kiểm tra và đáp án**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS&THPT VĨNH HÒA**  **TỔ NGỮ VĂN** | **ĐỀ THI GIỮA KÌ I**  **MÔN: NGỮ VĂN 11**  **Năm học: 2023-2024** |

Đọc văn bản sau:

**Bài học tuổi thơ**

Thằng con tôi 11 tuổi, học lớp sáu. Qua mùa thi chuyển cấp, nhân một buổi chiều cho con đi chơi mát, nó kể... Đang hỏi nó về chuyện thi cử, nó chợt hỏi lại tôi:

- Ba! Có bao giờ thấy có một bài luận văn nào điểm không không ba? Con số không cô cho bự bằng quả trứng gà. Không phải cho bên lề, mà một vòng tròn giữa trang giấy. Thiệt đó ba. Chuyện ngay trong lớp của con, chứ không phải con nghe kể đâu.

Tôi chưa kịp hỏi, nó tiếp:

- Còn thua ba nữa đó, ba. Iít nhứt ba cũng được nửa điểm. Còn thằng bạn của con, con số không bự như quả trứng.

Thằng con tôi ngửa mặt cười, có lẽ nó thấy thú vị vì thời học trò của ba nó ít nhứt cũng hơn được một đứa.

Số là cách đây vài năm, có một nhà xuất bản gởi đến các nhà văn nhà thơ quen biết trong cả nước một câu hỏi, tôi còn nhớ đại ý, nhà văn nhà thơ thời thơ ấu học văn như thế nào, nhà xuất bản in thành sách "Nhà văn học văn". Đọc qua, nghe các nhà văn nhà thơ kể, tất nhiên là mỗi người có mỗi cuộc đời, mỗi người mỗi giọng văn, nhìn chung thì người nào, lúc còn đi học, cũng có khiếu văn, giỏi văn. Nếu không thì lấy gì làm cơ sở để sau này trở thành nhà văn? Rất lô-gích và rất là tự nhiên vậy. Duy chỉ có bài của tôi hơi khác, có gì như ngược lại. Tôi kể, hồi tôi học ở trường trung học Nguyễn Văn Tố (1948 - 1950), tôi là một học sinh trung bình, về môn văn không đến nỗi liệt vào loại kém, nhưng không có gì tỏ ra là người có khiếu văn chương. Và có một lần, bài luận văn của tôi chỉ được có một điểm trên hai mươi (1/20). Đó là kỷ niệm không quên trong đời học sinh của tôi, môn văn.

Khi con tôi đọc bài văn đó, con tôi hỏi:

- Sao bây giờ ba là nhà văn? Và bạn bè cũng hỏi như vậy. Tôi cũng đã tự lý giải về mình, và lời giải cũng đã in vào sách rồi, xin không nhắc lại.

Tôi hỏi con tôi:

- Luận văn cô cho khó lắm hay sao mà bạn con bị không điểm.

- Luận văn cô cho "Trò hãy tả buổi làm việc ban đêm của bố".

- Con được mấy điểm?

- Con được sáu điểm.

- Con tả ba như thế nào?

- Thì ba làm việc làm sao thì con tả vậy.

- Mấy đứa khác, bạn của con?

Thằng con tôi như chợt nhớ, nó liến thoắng:

- A! Có một thằng ba nó không hề làm việc ban đêm mà nó cũng được sáu điểm đó ba.

- Đêm ba nó làm gì?

- Nó nói, đêm ba nó toàn đi nhậu.

- Nó tả ba nó đi nhậu à?

- Dạ không phải. Ba nó làm việc ban ngày nhưng khi nó tả thì nó tả ba nó làm việc ban đêm, ba hiểu chưa?

- Còn thằng bạn bị không điểm, nó tả như thế nào?

- Nó không tả không viết gì hết, nó nộp giấy trắng cho cô.

- Sao vậy?

Hôm trả lại bài cho lớp, cô gọi nó lên, cô giận lắm, ba. Cô hét: "Sao trò không làm bài". Nó cúi đầu làm thinh. Cô lại hét to hơn: "Hả?". Nó cũng làm thinh. Tụi con ngồi dưới, đứa nào cũng run.

- Nó là học trò loại " cá biệt" à?

- Không phải đâu ba, học trò tiên tiến đó ba.

- Sao nữa? Nó trả lời cô giáo như thế nào?

Nó cứ làm thinh. Tức quá, cô mới quất cây thước xuống bàn cái chát: "Sao trò không làm bài?" Tới lúc đó nó mới nói: "Thưa cô, con không có ba". Nghe nó nói, hai con mắt của cô con mở tròn như hai cái tô. Cô đứng sững như trời trồng vậy ba!

Tôi bỗng nhập vai là cô giáo. Tôi thấy mình ngã qụy xuống trước đứa học trò không có ba.

Sau đó cô và cả lớp mới được biết, em mồ côi cha khi vừa mới lọt lòng mẹ. Ba em hy sinh trên chiến trường biên giới. Từ ấy, má em ở vậy, tần tảo nuôi con...

Có người hỏi em: "Sao mày không tả ba của đứa khác". Em không đáp, cúi đầu, hai giọt nước mắt chảy dài xuống đôi má.

Chuyện của đứa học trò bị bài văn không điểm đã để lại trong tôi một nỗi đau. Em bị không điểm, nhưng với tôi, người viết văn là một bài học, bài học trung thực. Sáng tạo không đồng nghĩa với bịa đặt.

Giữa những dòng chữ bịa đặt và trang giấy trắng, tôi xin để trang giấy trắng trung thực trên bàn viết.

( Mùa thu, 1990- **Truyện ngắn Nguyễn Quang Sáng)**

**Trả lời câu hỏi:**

**Câu 1** (0,5 điểm): Văn bản trên thuộc thể loại nào?

**Câu 2** (0,5 điểm): Phương thức biểu đạt chính của văn bản?

**Câu 3** (0,5 điểm): Xác định ngôi kể của văn bản?

**Câu 4** (1,0 điểm): Câu văn *Có người hỏi em: "Sao mày không tả ba của đứa khác". Em không đáp, cúi đầu, hai giọt nước mắt chảy dài xuống đôi má* thể hiện cảm xúc gì của nhân vật?

**Câu 5** (1,0 điểm): Nhà văn Nguyễn Quang Sáng muốn gửi gắm ý nghĩa gì qua phần kết của câu chuyện?

**Câu 6** (0.5điểm): Cậu bé học trò bị bài văn không điểm hiện lên như thế nào trong tác phẩm

**Câu 7** (0,5 điểm): Nhận xét tình cảm, thái độ của tác giả dành cho cậu bé học trò bị bài văn không điểm?

**Câu 8** (0,5 điểm): 01 bài học anh/chị rút ra được từ câu chuyện là gì?

**II. Làm văn (5,0 điểm)**

Anh/ chị hãy viết một bài văn (khoảng 500 chữ) phân tích nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm truyện “Bài học tuổi thơ” của Nguyễn Quang Sáng.

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS&THPT VĨNH HÒA**  **TỔ NGỮ VĂN** | **HƯỚNG DẪN CHẤM**  **MÔN: NGỮ VĂN 11**  **Năm học: 2023-2024** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **5,0** |
|  | 1 | **Văn bản trên thuộc thể loại:** Truyện ngắn  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời đúng như đáp án 0,5 điểm*  *- Học sinh trả lời không đúng như đáp án: 0,0 điểm.* | 0,5 |
| 2 | **Phương thức biểu đạt chính của văn bản:** Tự sự  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời đúng như đáp án 0,5 điểm*  *- Học sinh trả lời không đúng như đáp án: 0,0 điểm.* | 0,5 |
| 3 | **Xác định ngôi kể của văn bản:** Ngôi thứ nhất  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời đúng như đáp án 0,5 điểm*  *- Học sinh trả lời không đúng như đáp án: 0,0 điểm.* | 0,5 |
| 4 | **Câu văn** *Có người hỏi em: "Sao mày không tả ba của đứa khác". Em không đáp, cúi đầu, hai giọt nước mắt chảy dài xuống đôi má* **thể hiện cảm xúc của nhân vật:**   * Buồn, xót xa, tự hào   ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời đúng như đáp án: 1,0 điểm*  *- Học sinh trả lời đúng 02 ý trong đáp án: 0,75 điểm*  *- Học sinh trả lời đúng 01 ý trong đáp án: 0,25 điểm*  *- Học sinh trả lời không đúng như đáp án: 0,0 điểm.* | 1,0 |
| 5 | **Nhà văn Nguyễn Quang Sáng muốn gửi gắm ý nghĩa qua phần kết của câu chuyện:**   * Trong cuộc sống và hành trình sáng tác văn học cần đề cao tính trung thực.   ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời đúng như đáp án: 1,0 điểm*  *- Học sinh trả lời không đúng như đáp án: 0,0 điểm.* | 1,0 |
| **6** | Cậu học trò trong bài văn hiện lên:   * Hoàn cảnh đáng thương. * Trung thực, dũng cảm.   ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời đúng như đáp án: 0,5 điểm*  *- Học sinh trả lời đúng 1 trong 2 ý: 0,25 điểm.*  *- Học sinh trả lời không đúng: 0,0 điểm.* | 0,5 |
| **7** | Thái độ của tác giả dành cho cậu bé học trò bị bài văn không điểm: Xót thương, ngưỡng mộ và khâm phục.  + Xót thương cho nỗi đau mất cha, sống thiếu vắng tình cha, ông xót thương và thấu hiểu niềm khao khát có cha của cậu bé  + Ngưỡng mộ, khâm phục sự dũng cảm và tấm lòng trung thực sáng trong của cậu bé.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 0,5 điểm*  *- Học sinh trả lời đúng 1 ý: 0,25 điểm*  *- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm*  ***\*Lưu ý:*** *Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí là chấp nhận được.* | 0,5 |
| **8** | Bài học rút ra sau khi đọc văn bản:   * HS có thể rút ra những bài học khác nhau: Bài học về lòng trung thực trong cuộc sống , bài học về sự quan tâm thấu hiểu…. * Có lí giải phù hợp   ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời được 01 bài học hợp lí: 0,5 điểm*  *- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm*  *- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm*  ***\*Lưu ý:*** *Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí là chấp nhận được.* | 0,5 |
| **II** |  | **VIẾT** | **5,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề | 0,5 |
|  | *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:* Phân tích tác phẩm truyện “Bài học tuổi thơ” – Phân tích nét đặc sắc về chủ đề và nghệ thuật của tác phẩm  *- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm.*  *- Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm.* | 0,5 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần phân tích, đánh giá về chủ đề và nghệ thuật của bài thơ, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng hợp lý. | 3.0 |
|  | Sau đây là một hướng gợi ý:   * Nét đặc sắc về nội dung của truyện ngắn: Câu chuyện về tình người và cách người ta đối xử với quá khứ. Điểm “không” dành cho người thầy khi chưa thấu đáo trong cách đánh giá và bất kì ai đã quên một phần lịch sử cũng như trân trọng đức tính cao đẹp của con người. * Nét đặc sắc về nghệ thuật: Cốt truyện đơn giản, dễ hiểu, xoay quanh cuộc trò chuyện giữa hai cha con. Câu chuyện được kể thông qua điểm nhìn của người cha – người kể chuyện ngôi thứ nhất. Đây là điểm nhìn xuyên suốt tác phẩm, giúp cho câu chuyện trở nên sinh động, cụ thể, giàu cảm xúc và chân thật hơn. Thành công của truyện là đã xây dựng được những nhân vật thật tiêu biểu……   ***Hướng dẫn chấm:***  *- Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 3,0 điểm.*  *- Phân tích đầy đủ nhưng lập luận không chặt chẽ: 2,25 – 2,75 điểm*  *- Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 1,5 điểm – 2,0 điểm.*  *- Phân tích chung chung, sơ sài: 0,5 điểm – 1,25 điểm.* |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ; văn viết có cảm xúc. | 0,5 |
| **I + II** |  | **Tổng điểm** | **10** |